







Name:

1. LISTENING (Các con nghe và chọn đáp án đúng)

1.   

2.   

3.  

VectorStock



4.



5.



II. write complete these words (Điền chữ cái để hoàn thành từ)

1. _o_co_n



2. S_n_



3. _i_er



4. Je__y



III. Reorder (sắp xếp lại từ thành câu hoàn chỉnh)

1. this/ What/ is/?

2. Popcorn/ yummy/ the/ is.

3. Coloring/ square/ a/ He's.

4. A/ fox/ there/ is?

5. There/ is/ Yes.

6. Like/ jam/ I.
